

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QO
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 43 /2017/HSST

Ngày: 28/7/2017

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QO

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thiết

- Các hội thẩm

1. Ông Tạ Quang Sơn – Cán bộ tư pháp xã Cán Hữu

2. Bà Bùi Thị Hồng Hiệu – Phó Chủ tịch HLH Phụ Nữ huyện QO

- Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Lê - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QO tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 28/7/2017, tại hội trường UBND xã CH, huyện QO, thành phố Hà
Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 46/2017/HSST ngày 05
tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị A, sinh năm 1971, tại TY, huyện CM, thành phố Hà Nội.

Nơi ĐKKH thường trú: thôn PY, xã TY, huyện CM, thành phố Hà Nội.

Nơi ĐKKH tạm trú: Cụm 1, xã CH, huyện QO, thành phố Hà Nội. Dân
tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hoá: 9/12; Con
ông: Nguyễn Quang P (đã chết); và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1938. Chồng là:
Vương Đức M (Đã chết) và có 01 con sinh ngày 18/8/ 2011.

Theo dA bản, chỉ bản số 64 lập ngày 25/3/2017 tại công an huyện QO
thì bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23/3/2017, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm
giữ Công an huyện QO (Có mặt).

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung
vụ án được tóm tắt như sau:

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 03/10/2013 Nguyễn Thị A hợp đồng thuê nhà của A Vương Đắc T,

sinh năm 1970 ở xã Cộng Hòa huyện QO, thành phố Hà Nội và nhờ ngôi nhà liền kề của chị Đắc Thị T, sinh năm 1973 trú tại phường Phú La, quận Hà Đông để mở quán tẩm quất, mát xa nhưng không đăng ký kinh doanh. Khoảng tháng 01/2017 chị La Thị L sinh năm 1991 trú tại xã Đồng Yên, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang và chị Nguyễn ThA K, sinh năm 1977, trú tại xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai đến quán của A để làm nhân viên mát xa. A thỏa thuận với L và K nếu có khách mua dâm thì L và K sẽ bán dâm cho khách giá từ 200.000 đồng đến 250.000 đồng/01 người/01 lượt. A là người thu tiền của khách, nếu A không có nhà thì L và K mặc cả thu tiền, việc ăn chia giữa A và nhân viên được thực hiện vào cuối ngày hoặc ngay sau khi bán dâm xong theo tỷ lệ gái bán dâm được hưởng 100.000 đồng còn lại A được hưởng và chịu trách nhiệm nuôi nhân viên ăn nghỉ tại quán và mua bao cao su .

Khoảng 19 giờ 45 phút ngày 23/3/2017 khi A đang ở quán thì có Ngô Văn H SN 1967, trú tại Xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình và Đỗ Văn T SN 1967, trú tại xã Đồng Yên, huyện QO, thành phố Hà Nội đến quán. T gặp A hỏi và mặc cả để mua dâm, A đồng ý với giá 250.000 đồng/01 người/01 lượt, thA toán tiền sau khi mua bán dâm. Do hôm đó K bị ốm chỉ có L bán dâm nên A phân công L bán dâm cho H, T ngồi đợi ở quán. L đưa H sang phòng số 01 để thực hiện việc mua bán dâm. Đến 20 giờ cùng ngày khi L và H đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị cơ quan Công an huyện QO kiểm tra hành chính lập biên bản phạm tội quả tang.

Vật chứng thu giữ: 01 vỏ bao cao su màu Vàng đã bóc nhãn hiệu VIPPLUS; 01 bao cao su đã qua sử dụng; 15 bao cao su vỏ màu đỏ nhãn hiệu Good chưa sử dụng; 250.000 đồng thu của T; Nguyễn Thị Th là em gái của A tự nguyện giao nộp số tiền 1.500.000 đồng; L giao nộp 1.000.000 đồng.

Quá trình điều tra A và gái bán dâm khai nhận ngoài lần bán dâm bị bắt quả tang, trước đó A đã tổ chức cho L và K bán dâm nhiều lần, tuy nhiên cả A, L và K đều không nhớ cụ thể ngày nào, không ghi chép sổ sách, không biết tên tuổi địa chỉ của khách mua dâm nên không đủ cơ sở để quy kết những lần mua bán dâm trên.

- Đối với La Thị L (*gái bán dâm*), vi phạm khoản 1, Điều 23 Nghị định số 167/CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ; Ngô Văn H (*khách mua dâm*) vi phạm khoản 1, Điều 22 Nghị Định số 167/CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự. Ngày 16/6/2017, Công an huyện QO đã ra quyết định xử lý hành chính theo quy định (BL 201, 202).

- Đối với Anh Vương Đắc T và chị Đắc Thị Th cho Nguyễn Thị A thuê, mượn nhà nhưng không biết việc A chứa mại dâm. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Tại bản cáo trạng số 40/KSĐT-TA ngày 04/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai truy tố bị cáo Nguyễn Thị A về tội “*Chứa mại dâm*” theo khoản 1 điều 254 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội chứa mại dâm.

Đề nghị áp dụng khoản 1 điều 254, điểm p khoản 1, Điều 46, Điều 33 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù. Áp dụng điều 41 của Bộ luật Hình sự, điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tiêu hủy vật chứng và sung quỹ nhà nước số tiền bị cáo và những đối tượng dùng vào việc thực hiện hành vi mua bán dâm.

- Tại phiên tòa bị cáo trình bày kết luận điều tra và bản cáo trạng kết luận các hành vi của bị cáo chưa chính xác, đề nghị triệu tập L làm chứng để chứng minh cho bị cáo vì cán bộ cơ quan điều tra lấy lời khai không khách quan tại các bản tự khai và kiểm điểm của bị cáo là do cán bộ đọc cho bị cáo viết. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét. Bị cáo chỉ thừa nhận ngày 23/3/2017 có điều động cho L đi bán dâm với 01 khách, vì trong quán chỉ có 01 phòng. Ngoài ra trước đó bị cáo có cho L và K bán dâm một vài lần xong không ghi chép sổ sách, không nhớ ngày tháng nào nhưng không đến 10 lần, kết luận bị cáo chứa mại dâm 13 lần là không đúng.

Bị cáo không tranh luận gì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vì hoàn cảnh của bị cáo đặc biệt khó khăn, hiểu biết pháp luật có hạn cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm được về nuôi con.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tranh, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện QO, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện QO, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự.

Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo khiếu nại hành vi của cán bộ cơ quan điều tra lấy lời khai không khách quan, tại các bản tự khai và kiểm điểm của bị cáo là do cán bộ đọc cho bị cáo chép, kết luận bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội là chưa chính xác. Bị cáo trình bày do sức khỏe và mắt kém đôi khi không đọc được và tin tưởng cơ quan điều tra cứ ký vào biên bản. Hội đồng xét thấy Cơ quan điều tra trước và sau khi tiến hành các thủ tục tố tụng không cho bị cáo đọc hoặc đọc lại và giải thích hết các quyền lợi và nghĩa vụ cho bị cáo rõ. Việc

tiến hành tố tụng của Điều tra viên đối với bị cáo theo quy định tại điều 35; 37 và Điều 49 của Bộ luật tố tụng hình sự là chưa thực hiện đúng và đầy đủ. Việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong hoạt động Tố tụng hình sự của Cơ quan điều tra đối với Viện Kiểm sát và Kiểm sát viên cũng chưa được sâu sát và chặt chẽ, dẫn đến bị cáo chưa nhận thức đúng và đầy đủ. Sau khi được Hội đồng giải thích, phân tích bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện được coi là hợp pháp.

Về diễn biến quá trình thực hiện hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo và lời khai của người những người tham gia tố tụng khác tại Cơ quan điều tra, đều phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng đã được thu giữ. Do đó Hội đồng có đủ căn cứ để khẳng định.

Khoảng 19 giờ 45 phút ngày 23/3/2017 khi bị cáo đang ở quán quán tâm quất, mát xa tại xã CH thì Ngô Văn H và Đỗ Văn T đến. T gặp bị cáo hỏi và mặc cả để mua dâm bị cáo đồng ý với giá 250.000 đồng/01 người/01 lượt, thanh toán tiền sau khi mua bán dâm xong. bị cáo phân công L bán dâm cho H, T ngồi đợi ở quán. L đưa H sang phòng số 01 để thực hiện việc mua bán dâm. Đến 20 giờ cùng ngày khi L và H đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị cơ quan Công an huyện QO kiểm tranh hành chính lập biên bản phạm tội quả tang.

Thu giữ tang vật gồm: 01 vỏ bao cao su màu Vàng đã bóc nhãn hiệu VIPPLUS; 01 bao cao su đã qua sử dụng; 15 bao cao su vỏ màu đỏ nhãn hiệu Good chưa sử dụng.

Quá trình điều tra bị cáo và gái bán dâm còn khai nhận ngoài lần bán dâm trên, trước đó bị cáo đã tổ chức cho L và K bán dâm nhiều lần, tuy nhiên cả bị cáo với L và K đều không nhớ cụ thể ngày tháng nào, không ghi chép sổ sách, không biết tên tuổi địa chỉ của khách mua dâm. Ngoài lời khai của bị cáo và gái bán dâm ra thì không có tài liệu nào khác để chứng minh bị cáo đã chứa mại dâm nhiều lần mà chỉ có căn cứ để kết luận bị cáo chứa mại dâm một lần vào ngày 23/3/2017 giữa gái bán dâm là La Thị L với khách mua dâm là Ngô Văn H.

Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL 16) và bản tự khai (BL76) bị cáo thừa nhận “ *Khoảng 19 giờ 45 phút ngày 23/3/2017 có hai khách tuổi trung niên đến hỏi mua dâm tôi thỏa thuận với L và K nếu có khách mua dâm thì L và K sẽ bán dâm cho khách giá từ 200.000 đồng đến 250.000 đồng/01 người/01 lượt. Tôi là người thu tiền của khách, nếu tôi không có nhà thì L và K mặc cả thu tiền*”.

Với hành vi trên của bị cáo đã thực hiện thì bị cáo đã phạm tội “ Chứa mại dâm” theo quy định tại khoản 1 điều 254 của Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo là hoàn toàn chính xác đúng pháp luật.

Điều 254 Bộ luật hình sự quy định

1. Người nào chứa mại dâm thì bị phạt tù từ một năm đến bảy năm.

Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến trật tự công cộng; Xâm phạm đạo đức, nếp sống văn minh của xã hội, ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục của dân tộc và là nguyên nhân làm lây truyền các loại vi rút gây bệnh nguy hiểm, đặc biệt là bệnh HIV/AIDS ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh để giáo dục bị cáo và làm gương cho người khác.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có các tình tiết giảm sau:

- Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.
- Hoàn cảnh gia đình bị cáo đặc biệt khó khăn, bố chết, chồng chết, mẹ già hiện đang nuôi con nhỏ dưới 6 tuổi, hiện bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình, trình độ văn hóa thấp hiểu biết pháp luật có hạn.

Các tình tiết nêu trên đ- ọc quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự.

Căn cứ tính chất mức độ, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ đã được viện dẫn Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly xã hội đối với bị cáo một thời gian để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung như mức án đề nghị của Viện kiểm sát là thỏa đáng.

Trong vụ án có Ngô Văn H và La Thị L có hành vi mua bán dâm Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý hành chính theo Nghị định 167/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ nên Hội đồng không xem xét.

Đối với Anh Vương Đắc T và chị Đắc Thị T cho bị cáo thuê, mượn nhà nhưng không biết bị cáo có hành vi chứa mại dâm, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, nên Hội đồng không đề cập.

Về hình phạt bổ sung; theo quy định tại khoản 5, điều 254 Bộ luật hình sự quy định “ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, phạt quản chế từ một năm đến năm năm”.

Xét hoàn cảnh của bị cáo đặc biệt khó khăn, không có nhà ở, không có tài sản nên hội đồng không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án:

Cơ quan điều tra thu giữ 01 vỏ bao cao su màu Vàng đã bóc nhãn hiệu VIPPLUS; 01 bao cao su đã qua sử dụng; 15 bao cao su vỏ màu đỏ nhãn hiệu Good chưa sử dụng và số tiền 2.750.000đ là các dụng cụ và tiền bị cáo và những đối tượng dùng vào việc thực hiện hành vi mua bán dâm. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm c, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, cần được tịch thu tiêu hủy và sung quỹ nhà nước.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), án phí hình sự sơ thẩm theo quy tại khoản 2 Điều 99; Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị A** , phạm tội **“Chứa mại dâm”**

1. Về hình phạt:

- □p dụng khoản 1 Điều 254; điểm p khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị A 15 (*Mười lăm*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam là ngày 23/3/2017.

2. Về vật chứng:

Áp dụng điều 41 của Bộ luật Hình sự, khoản 2 điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 2.750.000đồng (*Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*), số tiền trên hiện đang được lưu giữ tại chi Cục Thi hành án dân sự huyện QO, TP - Hà Nội, theo giấy ủy nhiệm chi số 20 lập ngày 25/7/2017 do Công an huyện QO, thành phố Hà Nội chuyển vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự huyện QO, thành phố Hà Nội.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 vỏ bao cao su đã bóc; 01 bao cao su đã qua sử dụng; 15 bao cao su chưa sử dụng. Các vật chứng trên có đặc điểm ghi như trong biên bản giao nhận vật chứng số 41/2017/THA ngày 25/7/2017 giữa công an huyện Quốc Oai và chi cục Thi hành án dân sự huyện Quốc Oai

3. Về án phí:

□p dụng khoản 2 điều 99; của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1, điều 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Thị A phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện QO;
- Chi cục THA huyện QO;
- Công an huyện QO;
- Bị cáo;
- L- u: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thiết